

DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN

-----o0o-----

1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 và kế hoạch năm 2014.
2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2013 và kế hoạch năm 2014.
3. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013.
4. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2013.
5. Tờ trình về việc chi trả thù lao của HĐQT, BKS và báo cáo lương, trợ cấp của Tổng Giám đốc.
6. Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014.
7. Tờ trình về việc Hợp tác đầu tư, kinh doanh dự án khu liên hiệp thương mại, nhà ở cao tầng kết hợp văn phòng tại số 213 Hòa Bình, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.
8. Tờ trình phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ và chi trả cổ tức năm 2013.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN
SEASPIMEX – VIETNAM**

-----oOo-----



SEASPIMEX®

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2014**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2014

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2014

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013 KẾ HOẠCH NĂM 2014

1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013:

1.1 Báo cáo sản xuất kinh doanh năm 2013 – Công tác Điều hành quản lý:

Trong năm 2013, so với năm 2012 về chính sách quản lý của Nhà nước và các giải pháp kích thích nền kinh tế cải thiện tình hình kinh tế tuy có nhưng không phát huy đáng kể. Do vậy Công ty vẫn gặp muôn vàn khó khăn đặc biệt là tài chính do không tiếp cận được các chính sách hỗ trợ ngành cũng như gói tín dụng hỗ trợ cho vay của các Ngân hàng đối với đơn vị SXKD.

Chi phí đầu vào vẫn tiếp tục tăng (*nguyên vật liệu, điện, nước...*), trong khi giá bán đầu ra trên thị trường có xu thế giảm do sức mua của thị trường xuất khẩu thấp vì các thị trường truyền thống chưa phục hồi sau khủng hoảng.

Đối với thị trường nội địa Công ty vẫn đẩy mạnh khai thác bằng các hình thức tiếp thị và quảng bá thương hiệu với người tiêu dùng trong nước, mở rộng các kênh phân phối.

- Định hướng lại thị trường kinh doanh giảm tỷ trọng kênh phân phối hiện đại (*siêu thị*) chú trọng vào kênh phân phối truyền thống, tiết giảm chi phí bán hàng, trực tiếp phân phối đến tay người tiêu dùng.
- Tham gia hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao được tổ chức hàng năm nhằm quảng bá sản phẩm và xúc tiến khách hàng mới cho thị trường nội địa.
- Thực hiện yêu cầu của Ủy ban Nhân dân Thành phố và Sở Công Thương, Công ty là một trong các đơn vị được lựa chọn cho chương trình bình ổn giá do vậy trong năm 2013 Công ty tiếp tục tham gia chương trình này.

Đối với hoạt động xuất khẩu:

- Tham gia hội chợ quốc tế tại Việt Nam (*Vietfish 2013*) nhằm tìm kiếm cơ hội hợp tác với các khách hàng nước ngoài.

Mặc dù đối diện với các khó khăn và thách thức, Công ty cũng đã kịp thời điều chỉnh phương án kinh doanh, giữ vững sự ổn định bộ máy điều hành, tìm các giải pháp tăng trưởng trong sản xuất kinh doanh. Tập trung sản xuất các mặt hàng có lợi nhuận, cụ thể như sau:

*** Nhà máy Seaspimex Bình Chánh:**

Trong năm 2013, đối với các mặt hàng xuất khẩu chủ lực Nhà máy đã tìm được thị trường tiêu thụ tương đối tốt cho mặt hàng cá ngừ đóng hộp nhằm đẩy mạnh khai thác tối đa công suất nhà xưởng thiết bị sản xuất.

Tuy nhiên, đối với mặt hàng ghẹ đóng hộp lại gặp nhiều thách thức do sản lượng đánh bắt sụt giảm dẫn đến cạnh tranh giá thu mua nguyên liệu. Mặc dù nhu cầu thị

trường lớn, nhưng do sản lượng cung cấp ít và không ổn định nên làm giảm sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

Năm 2013, Nhà máy bố trí lại các line sản xuất nhằm khai thác triệt để công suất thiết bị, diện tích nhà xưởng.

- Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác gia công với khách hàng Nhật.

Tổng sản lượng: 7.016,19 tấn. Trong đó:

+ Sản lượng sản xuất: 3.822.tấn.

+ Sản lượng gia công: 3.194,19 tấn.

+ Sản lượng mặt hàng ghe đạt: 176,02 tấn.

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013:

+ Doanh số xuất khẩu: 13,077 triệu USD tăng 59% so với năm 2012.

+ Doanh số nội địa: 156,84 tỷ đồng tăng 2,4 lần so với năm 2012.

+ Lợi nhuận đạt giá trị: 12,18 tỷ đồng tăng 2,8 lần so với năm 2012.

*** Chi nhánh Xí nghiệp Thủy sản Ba Tri (BTF):**

Năm 2013 tuy có khó khăn về tài chính nhưng chi nhánh Ba Tri cũng đã đẩy mạnh khai thác các mặt hàng chủ lực và tiết giảm chi phí sản xuất, sản xuất kinh doanh các mặt hàng có hiệu quả cao: đùi ếch, bạch tuộc, ghe.

Sản lượng sản xuất: 1.306,57 tấn.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013:

- Doanh số xuất khẩu: 6,074 triệu USD tăng 16% so với năm 2012.

- Lợi nhuận đạt giá trị: 4,32 tỷ đồng tăng 1,4% so với năm 2012.

*** Chi nhánh Hà Nội:**

Hoạt động theo mô hình Công ty mẹ đầu tư 100% vốn vào các đơn vị với hình thức giao doanh thu, lợi nhuận.

Kết quả kinh doanh năm 2013:

- Doanh thu thực hiện: 15,29 tỷ đồng giảm 5% so với năm năm 2012.

- Lợi nhuận đạt giá trị: 0,73 tỷ đồng tăng 55% so với năm 2012.

*** Khai thác mặt bằng 213 Hòa Bình và 176/32 Hòa Bình:**

Thực hiện chủ trương của HĐQT Công ty về việc khai thác cho thuê và hợp tác kinh doanh mặt bằng tại 213 Hòa Bình và 176/32 Hòa Bình. Việc triển khai được cụ thể hóa với các đối tác: Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng và Trường Trung cấp Lê Hữu Trác, các hộ kinh doanh nhỏ lẻ.

Kết quả thực hiện khai thác mặt bằng 213 Hòa Bình và 176/32 Hòa Bình như sau:

STT	Khách hàng	Doanh thu trong năm	Đã thanh toán	Chưa thanh toán	Ghi chú
1	Các hộ kinh doanh nhỏ	466.906.649	466.906.649	0	
2	Trường TC Lê Hữu Trác	450.078.041	450.078.041	0	

STT	Khách hàng	Doanh thu trong năm	Đã thanh toán	Chưa thanh toán	Ghi chú
3	Trường ĐH QT Hồng Bàng, trong đó:				
	31/12/2011-31/12/2012	13.419.144.638	6.920.000.008	7.356.550.079	
	- Năm 2013				
	+ Mặt bằng 213 HB	9.513.811.015	1.167.592.637	8.346.218.378	
	+ Mặt bằng 176/32	3.233.091.217	756.908.783	2.476.182.434	
	Cộng Hồng Bàng			18.178.950.891	

Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng tính đến 31/12/2013 tổng nợ của 2 mặt bằng 213 và 176/32 Hòa Bình, Q. Tân Phú quá hạn thanh toán là: 18.178.950.891 đồng.

Để theo dõi và quản lý chặt chẽ, Công ty đã phát hành các bảng đối chiếu công nợ và hóa đơn hàng tháng cho Trường Đại học QT Hồng Bàng như sau:

- Từ ngày 17/04/2013 đến 09/10/2013, Công ty đã phát hành các bảng đối chiếu công nợ hàng tháng, Đại học QT Hồng Bàng đã ký xác nhận.
- Từ ngày 07/11/2013 đến 09/01/2014, Công ty đã phát hành các bảng đối chiếu công nợ tháng 10, 11, 12/2013 nhưng Đại học QT Hồng Bàng không ký xác nhận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty kính trình HĐQT xem xét và có ý kiến chỉ đạo giải quyết việc hợp tác đối với Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.

1.2 So sánh các chỉ tiêu chính của hoạt động kinh doanh các năm 2012 - 2013:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	So sánh % 2013/2012
Tổng số lao động bình quân	Người	858,00	1.140,00	132,87
* Trực tiếp	Người	723,00	1.025,00	141,77
* Gián tiếp	Người	90,00	115,00	127,78
Lương BQ người / tháng	Ngàn đồng	3.684,00	4.177,00	113,38
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	667,27	628,32	94,16(*)
* Doanh thu nội bộ	Tỷ đồng	226,72	44,12	16,54
* Doanh thu từ khách hàng	Tỷ đồng	400,55	584,20	145,85
Doanh thu khách hàng/Tổng doanh thu	%	60,00	92,98	154,96
Sản lượng sản xuất	Tấn	3.013,13	5.128,56	170,21
Gia công	Tấn	2.556,14	3.194,19	124,96
Tổng tài sản	Tỷ đồng	414,82	508,93	122,69
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,01	15,09	1.494,06
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1,01	14,77	1.462,38
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	108,00	108,00	100,00
Tổng giá trị CP đang lưu hành	Tỷ đồng	108,00	108,00	100,00

(*) Tuy chỉ tiêu này không đạt kế hoạch 2013, nhưng sau khi loại trừ doanh thu nội bộ vẫn tăng 32% so với chỉ tiêu doanh thu năm 2012 (584.2 tỷ đồng/440,55 tỷ đồng).

1.3 Trong năm 2013, với nỗ lực và trách nhiệm chúng tôi đã thực hiện các chỉ tiêu sau:

1.3.1 Thị trường xuất khẩu:

Thị trường truyền thống của Công ty vẫn được duy trì ổn định.

Sản phẩm sản xuất được xuất khẩu sang 20 thị trường các nước, 6 khu vực.

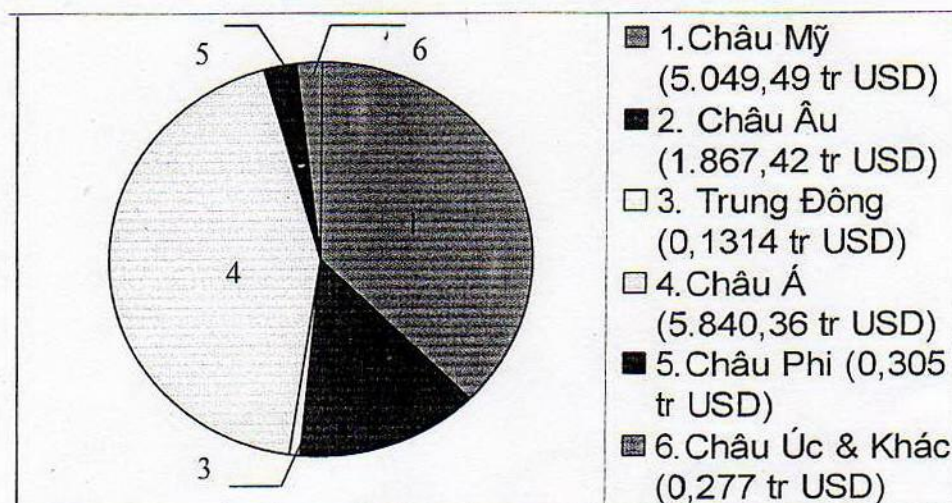
Tăng thêm các thị trường: Hà Lan, Trung Đông.

Giảm các thị trường: Israel, Hàn Quốc, Thái Lan, Thụy Sĩ, New Zealand.

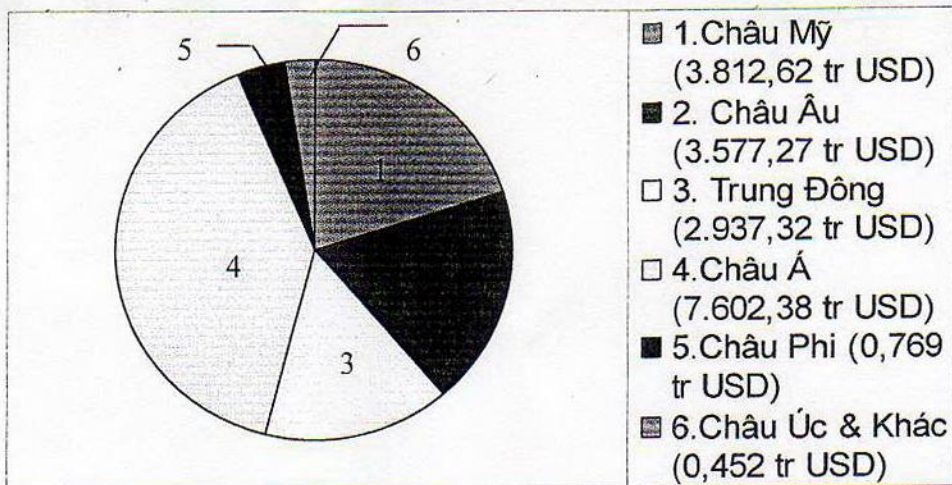
Thực hiện xuất khẩu năm 2013:

- Doanh thu đạt: 19,151 triệu,USD tăng 42% so cùng kỳ năm 2012.
- Sản lượng đạt: 4.650,1 tấn tăng 74% so cùng kỳ năm 2012.

Thị trường	Năm 2012		Năm 2013		SS % 2013/2012	
	Sản lượng (tấn)	Giá trị (1.000 USD)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (1.000 USD)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (1.000 USD)
Tổng cộng	2.675,82	13.470,00	4.650,09	19.151,09	173,78	142,18
1.Châu Mỹ	309,92	5.049,63	252,36	3.812,62	81,43	75,50
2. Châu Âu	327,85	1.867,42	712,75	3.577,27	217,40	191,56
3. Trung Đông	29,55	130,14	813,90	2.937,32	2.754,31	2.257,05
4.Châu Á	1.876,63	5.840,36	2.561,17	7.602,38	136,48	130,17
5.Châu Phi	73,26	305,25	197,92	769,04	270,16	251,94
6.Châu Úc & Khác	58,61	277,20	112,00	452,45	191,09	163,22



Năm 2012



Năm 2013

1.3.2 Số liệu thực hiện năm 2013 và Kế hoạch năm 2014 của các đơn vị thành viên:

Nội dung	ĐVT	Năm 2013			Kế hoạch năm 2014	
		Kế hoạch	Thực hiện	SS %	Kế hoạch	% tăng giảm so năm 2013
I. NHÀ MÁY SEASPIMEX						
1. Doanh số Xuất khẩu	Triệu USD	16,15	13,08	80,97	15,82	121
2. Doanh thu	Tỷ đồng	514,95	430,43	83,59	533,65	124
* Doanh thu Nội địa	Tỷ đồng	125,93	156,84	124,55	87,28	56
* Doanh thu Nội bộ	Tỷ đồng		16,91		18,60	110
* Doanh thu Dịch vụ gia công (trong và ngoài nước)	Tỷ đồng	49,81	98,80	198,35	93,96	95
3. Sản lượng Sản xuất	Tấn	3.130,50	3.822,00	122,09	4.325,10	113
Đồng lạnh & GTGT	Tấn	69,80	128,75	184,46	114,90	89
Ghẹ các loại	Tấn	550,00	176,02	32,00	180,50	103
Cá ngừ hộp	Tấn	1.627,10	2.748,28	168,91	3.173,00	115
Cá trích nục	Tấn	532,10	375,16	70,51	426,40	114
Xúc xích	Tấn	283,10	292,91	103,46	325,10	111
Súc sản hộp	Tấn	66,30	96,67	145,81	102,00	106

Nội dung	ĐVT	Năm 2013			Kế hoạch năm 2014	
		Năm 2013	Kế hoạch năm 2014	Nội dung	ĐVT	Năm 2013
Hàng khô	Tấn	2,10	4,21	200,38	3,20	76
4. Gia công	Tấn	4.360,00	3.194,19	73,26	2.304,60	72
5. Lợi nhuận	Tỷ đồng	22,04	12,18	55,26	10,35	85
II. CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP THỦY SẢN BA TRI						
1. Doanh số Xuất khẩu	Triệu USD	5,76	6,07	105,45	6,80	112
2. Doanh thu	Tỷ đồng	182,30	170,41	93,48	193,96	114
* Doanh thu Nội địa	Tỷ đồng		14,33		17,70	124
* Doanh thu Nội bộ	Tỷ đồng		28,08		32,78	117
* Doanh thu Dịch vụ	Tỷ đồng		0,82			-
3. Sản lượng Sản xuất	Tấn	1.820,00	1.306,57	71,79	1.820,00	139
Tôm càng	Tấn					
Tôm choán	Tấn		22,60			-
Bạch tuộc	Tấn	990,00	663,30	67,00	940,00	142
Ghẹ các loại	Tấn	170,00	137,77	81,04	180,00	131
Ếch	Tấn	460,00	479,69	104,28	500,00	104
Nghêu nguyên con	Tấn	100,00		-	100,00	
Hải sản khác	Tấn	100,00	3,20	3,20	100,00	3,125
4. Lợi nhuận	Tỷ đồng	4,40	4,32	98,24	4,40	102
III. CHI NHÁNH HÀ NỘI						
1. Doanh thu	Tỷ đồng	18,00	15,29	84,94	18,00	118
2. Lợi nhuận	Tỷ đồng	0,70	0,73	104,29	0,75	103
IV. VĂN PHÒNG SEASPIMEX						
1. Doanh thu	Tỷ đồng	14,75	12,42	84,20	4,40	35
2. Lợi nhuận	Tỷ đồng	(20,64)	(2,14)		-	-
V. CÔNG TY SEASPIMEX (tổng cộng các thành viên)						

1. Doanh số Xuất khẩu	Triệu USD	21,91	19,15	87,41	22,62	118
2. Doanh thu	Tỷ đồng	730,00	628,55	86,10	750,00	119
* Doanh thu Nội địa	Tỷ đồng	158,68	186,46	117,51	122,98	66
* Doanh thu Nội bộ	Tỷ đồng	-	44,99		51,38	114
* Doanh thu Dịch vụ	Tỷ đồng	49,81	99,62	200,00	93,96	94
3. Sản lượng Sản xuất	Tấn	4.950,50	5.128,56	103,60	6.145,10	120
4. Gia công	Tấn	4.360,00	3.194,19	73,26	2.304,60	72
5. Lợi nhuận	Tỷ đồng	6,50	15,09	232,19	15,50	103

1.3.3 Quản lý chất lượng:

Công tác kiểm tra chất lượng được theo dõi và duy trì thường xuyên trong suốt quá trình sản xuất, chú trọng tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm cho toàn bộ khách hàng trong và ngoài nước.

Duy trì điều kiện và đạt tiêu chuẩn xuất khẩu vào thị trường Châu Âu (HACCP, BRC, IFS), Mỹ (FCE, SID), Nhật (tập đoàn COOP) bảo đảm yêu cầu kiểm tra của Cơ quan Nhà nước cũng như người mua hàng.

Phòng kiểm nghiệm các nhà máy của Công ty luôn chủ động kiểm soát từ nguồn nguyên liệu đến thành phẩm trong quá trình sản xuất.

Trong năm 2014 công ty sẽ đầu tư thiết bị và tuyển dụng cán bộ có trình độ xây dựng phòng Lab có đủ khả năng kiểm nghiệm chuẩn hóa. Bên cạnh đó, Công ty sẽ củng cố và hoàn thiện bộ phận R&D để chủ động nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mới phù hợp cho thị trường trong nước và xuất khẩu nhằm tăng sức cạnh tranh của hàng hóa.

1.3.4 Hoạt động tài chính:

Thực hiện đúng các chế độ tài chính kế toán theo Quy định của Nhà nước. Thực hiện tốt các chính sách thuế, Luật thuế do Nhà nước ban hành.

1.3.5 Các chính sách đối với người lao động:

Mặc dù thị trường xuất khẩu trong các tháng cuối năm giảm mạnh do giá thế giới liên tục hạ, nhà máy Seaspimex hoạt động 70% công suất và duy trì được đội ngũ lao động lành nghề đảm bảo thu nhập cho Người lao động, chi trả đủ và đúng hạn cho Người lao động. Thu nhập bình quân của Người lao động trong Công ty là 4.177.000 đồng/người/tháng.

Công ty đã không ngừng nâng cao đời sống cho CB.CNV, ngoài bữa cơm trưa và tăng ca theo quy định, Công ty còn tổ chức bữa ăn sáng, ăn chiều cho CB.CNV Công ty, tổ chức xe đưa rước.

Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV theo quy định.

2. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014:

Theo dự báo trong nửa đầu năm 2014 sẽ còn nhiều khó khăn, tuy nền kinh tế các quốc gia khủng hoảng đã có những dấu hiệu chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn tiềm ẩn những nguy cơ bất ổn. Châu Âu vẫn chưa hoàn toàn thoát ra khỏi khủng hoảng và Mỹ phục hồi kinh tế chậm.

Tuy nhiên Công ty đã tìm kiếm các khách hàng có tiềm năng và có sức mua lớn (Trung Đông) để giải quyết đầu ra cho Công ty.

Trên cơ sở đó, Công ty đề ra các chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2014:

STT	Thành viên SEASPIMEX	Doanh thu (Tỷ đồng)	Trong đó: Xuất khẩu (triệu USD)	Lợi nhuận (Tỷ đồng)	Sản xuất (Tấn)	Gia công (Tấn)
	Tổng số	750,00	21,92	15,50	6.145,10	2.304,6
1	Văn phòng Công ty	4,40				
2	Nhà máy Seaspimex	533,65	15,82	10,35	4.325,10	2.304,6
3	Chi nhánh Ba Tri	193,96	6,10	4,40	1.820,00	
4	Chi nhánh Hà Nội	18,00		0,75		

Căn cứ vào năng lực thực tế của Công ty khai thác tối đa công suất các Phân xưởng, dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2014 như sau:

2.1 Sản lượng thành phẩm xuất khẩu năm 2014:

Chỉ tiêu	Năm 2014	
	Sản lượng (tấn)	Doanh thu (tỷ đồng)
1. Xuất khẩu	4.733,80	488,21
– Nhóm cá ngừ	2.913,30	248,51
– Nhóm ghe	180,50	85,30
– Bạch tuộc	940,00	95,40
– Đùi ếch	500,00	49,50
– Nghêu nguyên con	100,00	7,00
– Cá gia công	100,00	2,50
2. Gia công nước ngoài	1.811,60	51,62

2.2 Nhu cầu nguyên liệu – vật tư cho sản xuất:

STT	Nguyên liệu - Vật tư	Nhu cầu năm 2014	
		Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)
1	Nguyên liệu chính (tấn)		447,98
2	Vật liệu phụ		88,55
3	Tiền lương		78,5
4	Chi phí sản xuất chung		17,9
5	Lãi vay		22,42
6	Chi phí khấu hao		18,66
7	Chi phí bán hàng		51,82
8	Chi phí quản lý		18,65
Tổng cộng			744,48

2.3 Các chỉ tiêu chính:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014
– Nhu cầu lao động	Người	1.245
* Trực tiếp	Người	1.130
* Gián tiếp	Người	115
– Tổng quỹ tiền lương	Tỷ đồng	78,5
– Tiền lương BQ người/tháng	Triệu đ/người/tháng	5,254
– Năng suất lao động bình quân	Kg/người/năm	6.787
– Nhu cầu vốn lưu động sử dụng cho sản xuất		
* Nhà máy Seaspimex là: 206 tỷ đồng		
* Chi nhánh XN Ba Tri là: 40 tỷ đồng	Tỷ đồng	246
– Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,5
– Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	11,62

2.4 Các giải pháp thực hiện kế hoạch 2014:

- + Tìm phương án giải quyết đối với Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.
- + Tiếp tục triển khai hoàn công các tài sản còn lại trình Ngân hàng thương mại để tăng nguồn vốn lưu động cho Nhà máy Seaspimex.
- + Xây dựng và quảng bá hình ảnh Công ty, đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường xuất khẩu, đầu tư cho hệ thống phân phối thị trường nội địa, giữ vững uy tín và chất lượng sản phẩm.
- + Năm 2014, Công ty nỗ lực thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ.
 - * Theo Nghị quyết HĐQT trong năm 2013 chúng tôi chưa thành lập được Ban kiểm soát nội bộ do các nguyên nhân sau:

- Trong năm 2013 phải xây dựng củng cố lại hệ thống quản lý và sản xuất sau khi giải thể sáp nhập Công ty TNHH MTV Thực phẩm Bình Chánh.

- Đang tiến hành lựa chọn các nhân sự có đủ năng lực và trình độ đạt yêu cầu vào Ban kiểm soát nội bộ.

+ Kiểm soát công nợ, hàng tồn kho: có giải pháp cụ thể, quyết liệt và khả thi.

3. KIẾN NGHỊ:

Chúng tôi đề nghị HĐQT hỗ trợ cho Ban Điều hành:

- + Khai thác hiệu quả các mặt bằng hiện có để bổ sung đủ vốn cho hoạt động kinh doanh nhằm giảm chi phí lãi vay, mang lại hiệu quả cao hơn cho năm tài chính 2014.
- + Đầu tư thêm máy móc thiết bị cho Phân xưởng Đồ Hộp nhằm đáp ứng mở rộng thị trường.
- + Đề ra lộ trình lành mạnh hóa tình hình tài chính, để có cơ sở đưa cổ phiếu Công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán trong thời gian sớm nhất./.

**TỔNG GIÁM ĐỐC** *Nguyễn Thành Phương*

NGUYỄN THÀNH PHƯƠNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN
SEASPIMEX – VIETNAM**

-----oOo-----



SEASPIMEX®

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2013
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2014**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2014

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2014

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2013 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2014

Căn cứ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty, Hội đồng quản trị xin báo cáo với các cổ đông Công ty về tình hình hoạt động của HĐQT và Công ty năm 2013 đồng thời định hướng hoạt động 2014 với các nội dung như sau:

I. Tình hình hoạt động của công ty năm 2013:

Năm 2013, tình hình kinh tế thế giới và trong nước vẫn chịu nhiều biến động, mặc dù có một vài dấu hiệu tích cực cho thấy các hoạt động kinh tế đang phục hồi trở lại sau suy thoái nhưng triển vọng kinh tế toàn cầu nhìn chung chưa ổn định. Trong nước, việc vay vốn từ các Ngân hàng thương mại vẫn gặp nhiều khó khăn nhất là đối với các doanh nghiệp thủy sản, điều đó có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong bối cảnh kinh tế như trên, có thể đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2013 qua một số chỉ tiêu đạt được như sau:

Các chỉ tiêu thực hiện năm 2013:

Chỉ tiêu SX KD	ĐVT	Năm 2013		Thực hiện năm 2012	So sánh (%)	
		Nghị quyết ĐHCD	Thực hiện		KH Nghị Quyết	Thực hiện 2012
Tổng doanh thu	Tỷ đồng		628,55	667,27	86,10	94,20
Xuất khẩu	Triệu USD	21,91	19,15	13,22	87,40	144,86
Lợi nhuận	Tỷ đồng	6,50	15,09	1,01	232,19	1.494,06
SL sản xuất	Tấn	4.950,50	5.128,56	3.013,00	103,60	170,21
SL gia công	Tấn	4.360,00	3.194,19	2.556,00	73,26	124,97

Hầu hết các chỉ tiêu đều đạt ở mức cao so với năm 2012, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận. Riêng chỉ tiêu tổng doanh thu tuy không đạt so với kế hoạch nhưng cũng cao hơn năm 2012 sau khi loại trừ doanh thu nội bộ (584,2 tỷ đồng /400,55 tỷ đồng của năm 2012).

II. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và Ban điều hành

2.1. Báo cáo hoạt động của HĐQT

Năm 2013, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 06 cuộc họp, trong đó: 01 cuộc họp thông qua phương thức lấy ý kiến bằng văn bản, 05 cuộc họp trực tiếp có sự tham gia của ít nhất 4 thành viên.

Các cuộc họp HĐQT đều được trao đổi, thảo luận và bàn bạc dân chủ, thẳng thắn, có biên bản, nghị quyết theo đúng tinh thần, nội dung cuộc họp.

Các thành viên HĐQT được Ban điều hành cung cấp thông tin, số liệu đầy đủ, kịp thời các nội dung liên quan đến hoạt động của công ty.

2.2. Thực hiện các nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013

Việc triển khai chủ trương hợp tác với Trường Đại học quốc tế Hồng Bàng không thực hiện được do những khó khăn của thị trường bất động sản, năng lực và kinh nghiệm của đối tác cũng như khả năng huy động các nguồn lực để triển khai dự án từ phía công ty.

Thực hiện ký Hợp đồng với Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Việt nam (AASCN) để lập báo cáo kiểm toán năm 2013.

Hoàn chỉnh, ban hành và công bố Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty đã được sửa đổi.

Thực hiện việc chi trả thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát và thư ký Công ty năm 2013 như Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua là 174 triệu đồng.

Trong năm 2013, Hội đồng Quản trị có 02 thành viên kiêm nhiệm công việc điều hành của Công ty được chi trả lương, thưởng theo đúng qui chế tiền lương Công ty, với tổng số tiền: 568.304.208 đồng (*năm trăm sáu mươi tám triệu ba trăm lẻ bốn nghìn hai trăm lẻ tám đồng*).

III. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám Đốc

Với sự thuận lợi do có 02 thành viên HĐQT tham gia trực tiếp điều hành công ty, HĐQT đã thường xuyên bám sát, theo dõi, chỉ đạo các hoạt động của Ban Tổng giám đốc. Năm 2013, Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt, chỉ đạo một số nội dung chính như sau:

- Phê duyệt kế hoạch SXKD, tài chính, đơn giá lương, mức lương Ban TGD và các vị trí khác thuộc thẩm quyền.
- Phê duyệt các nội dung về vay vốn, hạn mức tín dụng vay tại các ngân hàng.
- Chỉ đạo các vấn đề liên quan đến công nợ khó đòi, xử lý hàng hóa tồn kho.
- Chỉ đạo hoàn thành đúng thời hạn Báo cáo tài chính kiểm toán và Báo cáo thường niên.
- Phê duyệt, thông qua kế hoạch, nội dung, tài liệu, thời gian tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2014.
- Chấp thuận Đơn xin nghỉ việc của ông Võ Hữu Khoa, phó TGD.

598530
CÔNG TY
PHẦN
ĐẶC SẢN
TP. HỒ C

V. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014:

1. Nhận định tình hình:

Tuy nhà nước đã có một số chủ trương, chính sách khuyến khích tiêu dùng và phát triển sản xuất trong thời gian qua nhưng có thể nhận định những khó khăn trong năm 2013 sẽ còn tiếp tục kéo dài trong năm 2014: sức mua giảm, khả năng tiếp cận vốn từ các ngân hàng khó khăn, cạnh tranh gay gắt buộc doanh nghiệp phải giảm giá bán trong khi chi phí đầu vào tăng ... Việc khai thác các mặt bằng của công ty sẽ gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đáng kể đến nguồn thu và lợi nhuận của công ty.

Trước tình hình đó, HĐQT và Ban điều hành chủ trương tập trung chỉ đạo tiếp tục hoàn thiện quy trình sản xuất để nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí, mở rộng sản xuất hàng gia công để tận dụng tối đa mặt bằng sản xuất của nhà máy, song song với việc hoàn thiện bộ máy tổ chức của Công ty theo hướng chuyên nghiệp, tinh gọn và hiệu quả.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014:

ST T	Đơn vị	Doanh thu (tỷ đồng)	Xuất khẩu (triệu USD)	Lợi nhuận (tỷ đồng)	Sản xuất (tấn)	Gia công (tấn)
Toàn Công ty		750,00	21,92	15,50	6.145,10	2.304,60
1	Văn phòng Seaspimex	4,40				
2	Nhà máy Seaspimex	533,65	15,82	10,35	4.325,10	2.304,60
3	Chi nhánh Ba Tri	193,96	6,10	4,40	1.820,00	
4	Chi nhánh Hà Nội	18,00		0,75		

Năm 2014 sẽ tiếp tục là một năm khó khăn của Seaspimex, HĐQT và BDH rất mong sự chia sẻ và tin tưởng của Quý vị cổ đông để tiếp tục phấn đấu, hoàn thành tốt các mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng./.

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

LÊ CÔNG ĐỨC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy đặc sản

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy đặc sản được lập ngày 18/03/2014, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như thuyết minh tại phần thuyết minh báo cáo tài chính (phần VII.1 trang 28, 29), Công ty đã nhận tiền ứng trước theo thỏa thuận hợp tác kinh doanh với Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng 50 tỷ đồng và đã ghi nhận số tiền này vào thu nhập vào các năm 2007, 2009 và 2010. Đến thời điểm phát hành báo cáo, dự án vẫn chưa được triển khai, hợp đồng chính thức chưa được hai bên ký. Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng yêu cầu Công ty phải trả số tiền lãi của số tiền ứng trước trên, tuy nhiên hai bên chưa thống nhất được thời điểm tính lãi và lãi suất. Theo chúng tôi các khoản đã hạch toán vào thu nhập các năm trước trên thực chất là tiền ứng trước theo bản thỏa thuận của hợp tác kinh doanh, từ đó sẽ ảnh hưởng tới chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối đầu năm và cuối năm trên bảng cân đối kế toán. Mặt khác, Công ty phải ghi nhận bổ sung chi phí lãi từ số tiền ứng trước nếu hai bên thống nhất được cách tính lãi.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy đặc sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)



Nguyễn Minh Tiến

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0547-2013-152-1

Kiểm toán viên

Lê Hồng Đào

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1732-2013-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		297.886.268.300	187.292.790.774
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	35.817.649.263	8.280.095.053
1. Tiền	111		35.817.649.263	8.280.095.053
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		70.408.825.133	49.261.862.321
1. Phải thu khách hàng	131		71.592.563.582	51.522.727.669
2. Trả trước cho người bán	132		5.019.210.289	3.262.820.281
3. Các khoản phải thu khác	135	V.2	16.896.000	147.482.831
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.219.844.738)	(5.671.168.460)
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	170.137.273.198	107.034.629.413
1. Hàng tồn kho	141		172.440.759.202	107.572.829.817
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.303.486.004)	(538.200.404)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.522.520.706	22.716.203.987
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		133.394.638	379.021.326
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.644.940.343	14.854.941.059
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4	-	1.918.836.587
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		5.744.185.725	5.563.405.015
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		211.048.001.869	226.980.301.423
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		205.443.305.280	219.788.012.302
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	181.559.129.793	192.801.335.630
- Nguyên giá	222		270.282.739.139	270.877.736.815
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(88.723.609.346)	(78.076.401.185)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	23.884.175.487	24.494.733.474
- Nguyên giá	228		26.091.778.833	26.091.778.833
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.207.603.346)	(1.597.045.359)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	-	2.491.943.198
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	4.616.230.738	4.616.230.738
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.500.000.000	4.500.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		116.230.738	116.230.738
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		988.465.851	2.576.058.383
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	988.465.851	2.576.058.383
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		508.934.270.169	414.273.092.197

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		383.530.648.415	303.636.705.049
I. Nợ ngắn hạn	310		269.893.206.914	279.519.005.049
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	119.285.648.100	180.377.718.055
2. Phải trả người bán	312		128.459.645.192	86.035.802.124
3. Người mua trả tiền trước	313		2.163.782.313	5.712.232.060
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	4.493.885.073	2.639.189.767
5. Phải trả người lao động	315		14.529.890.809	3.886.512.307
6. Chi phí phải trả	316	V.12	1.407.819.689	392.059.003
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	345.701.786	1.268.657.781
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(793.166.048)	(793.166.048)
II. Nợ dài hạn	330		113.637.441.501	24.117.700.000
1. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	113.637.441.501	24.117.700.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		125.403.621.754	110.636.387.148
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	125.403.621.754	110.636.387.148
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		108.000.000.000	108.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.800.000.000	10.800.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.511.530.334	3.511.530.334
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.007.048.021	1.007.048.021
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.085.043.399	(12.682.191.207)
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		508.934.270.169	414.273.092.197

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Triệu Thị Quảng Châu

Đặng Thị Ngọc Bích

Nguyễn Thành Phương

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	584.197.191.004	404.654.563.811
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	976.863.282	946.885.895
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	583.220.327.722	403.707.677.916
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	488.288.026.901	359.183.280.584
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		94.932.300.821	44.524.397.332
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	1.318.156.573	5.092.278.232
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	15.045.395.341	14.832.337.794
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.975.466.258	17.536.479.184
8. Chi phí bán hàng	24		34.109.083.071	17.473.273.214
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		31.862.025.788	13.758.567.488
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.233.953.194	3.552.497.068
11. Thu nhập khác	31		190.636.825	716.029.638
12. Chi phí khác	32		333.404.560	3.258.263.834
13. Lợi nhuận khác	40		(142.767.735)	(2.542.234.196)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.091.185.459	1.010.262.872
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	323.950.853	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.767.234.606	1.010.262.872
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.367	94

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Triệu Thị Quảng Châu



Đặng Thị Ngọc Bích



Nguyễn Thành Phương

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		595.268.442.320	456.171.864.173
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(507.490.401.686)	(406.038.159.195)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(68.380.262.213)	(19.414.260.595)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(11.245.781.861)	(17.314.078.355)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8.349.745.737	5.041.234.213
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(26.643.241.610)	(28.025.521.590)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.141.499.313)	(9.578.921.349)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(14.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22			153.181.817
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			19.295.579
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		184.368.992	355.966.295
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		184.368.992	513.943.691
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		227.110.070.552	445.881.343.467
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(189.621.913.191)	(428.437.682.690)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(956.100)	(22.600.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		37.487.201.261	17.421.060.277

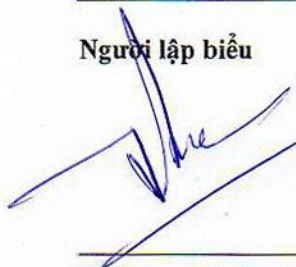
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		27.530.070.940	8.356.082.619
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ			8.280.095.053	66.434.806
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	60		7.483.270	(142.422.372)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	61		35.817.649.263	8.280.095.053

Người lập biểu



Triệu Thị Quảng Châu

Kế toán trưởng



Đặng Thị Ngọc Bích



Nguyễn Thành Phương

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN
SEASPIMEX – VIETNAM**

-----oOo-----



SEASPIMEX®

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
NĂM 2013**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2014

TP Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2014

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2014**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;

Căn cứ Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài Chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản (Công ty);

Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty.

Ban kiểm soát xin báo cáo với Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2013 như sau:

I- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

1. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2013

1.1 Tình hình Tài sản và Nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2013

a. Tổng tài sản: 508.934.270.169 đồng, bao gồm:

- Tiền và các khoản tương đương tiền:	35.817.649.263 đồng
- Các khoản phải thu ngắn hạn:	70.408.825.133 đồng
- Hàng tồn kho:	170.137.273.198 đồng
- Tài sản ngắn hạn khác:	21.522.520.706 đồng
- Tài sản cố định:	205.443.305.280 đồng
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:	4.616.230.738 đồng
- Tài sản dài hạn khác:	988.465.851 đồng

* Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ và đúng với quy định pháp luật đối với các phải thu khó đòi và hàng tồn kho (chi tiết trình bày trong BCTC 2013).

b. Tổng nguồn vốn: 508.934.270.169 đồng, bao gồm:

- Vay và nợ ngắn hạn:	119.285.648.100 đồng
- Các khoản phải trả ngắn hạn:	150.607.558.814 đồng
- Vay và nợ dài hạn:	113.637.441.501 đồng
- Vốn chủ sở hữu:	125.403.621.754 đồng

Vốn chủ sở hữu đến 31/12/2013 chưa thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2013, việc phân phối lợi nhuận phụ thuộc vào kết quả từ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông lần này.

1.2 Ý kiến của Ban kiểm soát đối với BCTC 2013

Theo ý kiến của Ban kiểm soát thì Báo cáo tài chính năm 2013 do Công ty lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013; ngoại trừ ảnh hưởng từ việc Công ty đã ghi nhận khoản tiền ứng trước 50 tỷ đồng theo thỏa thuận hợp tác kinh doanh với Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng vào thu nhập các năm 2007, 2009, 2010 và Công ty phải ghi nhận bổ sung chi phí lãi từ số tiền ứng trước nếu hai bên thống nhất được cách tính lãi.

1.3- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	31/12/2013	31/12/2012
Vốn lưu động (VLĐ) - (đvt: trđ) (TSNH - Các khoản phải trả NH)	147.279	88.152
Vốn lưu động ròng (VLĐr) - (đvt: trđ) (TSNH - Nợ ngắn hạn)	27.993	-92.226
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,10	0,67
Hệ số thanh toán nhanh	0,39	0,21
Hệ số nợ (Tổng Nợ phải trả / VCSH)	305,84%	274,45%
Hệ số tự tài trợ (VCSH/ Tổng nguồn vốn)	24,64%	26,71%
Hệ số thích ứng dài hạn (TS dài hạn / Nguồn vốn ổn định)	88,29%	168,44%
Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu (%)	44,47%	-13,87%
Tỷ suất lợi nhuận gộp (LN gộp/DTT)	16,28%	11,03%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế (LNst/DTT)	2,53%	0,25%
Tỷ suất sinh lời của VCSH (ROE) (LN sau thuế / VCSH bình quân)	12,51%	0,92%

Nhận xét:

Vốn lưu động ròng tại thời điểm 31/12/2013 của Công ty là 27.993 triệu đồng (năm 2012 âm 92.226 triệu đồng), điều này thể hiện tình hình tài chính của Công ty đã chuyển biến theo chiều hướng tốt và không còn ở trong tình trạng mất cân đối về tài chính như các năm trước đây;

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán thay đổi theo chiều hướng tích cực và đảm bảo khả năng thanh khoản trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

Chỉ tiêu đánh giá tốc độ tăng trưởng doanh thu và tỷ suất lợi nhuận của Công ty trong năm 2013 đều tăng cao so với năm 2012;

Nhìn chung, tình hình tài chính của Công ty trong năm 2013 chuyển biến theo chiều hướng rất tốt, an toàn về khả năng thanh toán, cơ cấu tài sản và nguồn vốn hợp lý tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013

2.1/ Tình hình thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2013

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013		Thực hiện năm 2012	So sánh (%)	
			KH được ĐHĐCĐ thông qua	Thực hiện		KH	TH 2012
I	Tổng doanh thu (Chưa trừ DT nội bộ)	Tỷ đồng	730	628,55	667,27	86,10%	94,20%
II	Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	21,91	19,15	13,22	87,40%	144,86%
III	Sản xuất chế biến						
	- Sản lượng sản xuất	tấn	4.950,5	5.128,56	3.013	103,60%	170,21%
	- Sản lượng gia công	tấn	4.359,0	3.194,19	2.556	73,28%	124,97%
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6,5	15,09	1,01	232,15%	1.494,06%

2.2/ Nhận xét chung về kết quả hoạt động SXKD năm 2013

Trong năm 2013, Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu, doanh số xuất khẩu và sản lượng gia công so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ 2013 thông qua, cụ thể: Doanh thu chỉ đạt 86,10% so với kế hoạch, doanh số XK đạt 87,40% và Sản lượng gia công đạt 73,28%;

Tuy nhiên, chỉ tiêu quan trọng nhất là lợi nhuận trước thuế đã được Công ty thực hiện vượt hơn gấp 2 lần so với kế hoạch là 232,15%, đây là một sự nỗ lực rất lớn của tập thể HĐQT, Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên trong điều kiện tình hình chung nền kinh tế Việt Nam còn nhiều khó khăn và vẫn chưa trên đà hồi phục;

Theo đánh giá chung của BKS thì Công ty đã hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ 2013 đề ra, hoạt động kinh doanh của Công ty tập trung vào hiệu quả kinh doanh và không chạy theo số lượng.

II-Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

1. Đối với Hội đồng quản trị:

- Số thành viên HĐQT trong năm 2013 hoạt động đầy đủ theo quy định là 05 thành viên. HĐQT thực hiện nhiệm vụ, chức năng theo đúng điều lệ quy định và quy chế hoạt động của HĐQT

-Trong năm 2013, HĐQT đã tổ chức 05 cuộc họp trực tiếp (vào các ngày 10/05/2013, 22/05/2013, 15/06/2013, 17/07/2013, 27/09/2013) và ban hành 10 Nghị quyết của HĐQT để triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ 2013 và thực hiện chỉ đạo Ban điều hành trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Ban kiểm soát đồng ý với nội dung Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2013 tại ĐHĐCĐ 2014;

- Trong năm 2013 không có kiến nghị, yêu cầu thực hiện việc kiểm tra nào đối với Hội đồng quản trị hay cá nhân các thành viên HĐQT.

2. Đối với Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Ngoài trừ các chỉ tiêu doanh thu, doanh số xuất khẩu và sản lượng gia công không hoàn thành theo như Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2013; Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã có nhiều cố gắng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, theo sát với những diễn biến phức tạp của thị trường và tận dụng những lợi thế sẵn có của Công ty để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD và hoàn thành tốt chỉ tiêu lợi nhuận vượt xa so với kế hoạch.

- Ban Tổng Giám đốc đã tạo được môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết, ổn định trong Công ty;

- Ban kiểm soát đồng ý với nội dung Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả SXKD năm 2013 và kế hoạch năm 2014 tại ĐHĐCĐ 2014;

- Trong năm 2013 không có kiến nghị, yêu cầu thực hiện việc kiểm tra nào đối với Tổng giám đốc hay các cán bộ quản lý khác của Công ty.

III – Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc thường xuyên liên lạc và trao đổi với nhau để hoàn thành nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao;

- Các cuộc họp của HĐQT đều có thư mời BKS tham dự, Biên bản họp và Nghị quyết của HĐQT trong năm 2013 được gửi đầy đủ đến Ban kiểm soát;

- Các Quyết định và tài liệu quan trọng do Công ty phát hành được gửi đầy đủ đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo cách như đối với thành viên HĐQT;

- Quyền tiếp cận thông tin của Ban kiểm soát được đảm bảo;

- Trong năm 2013 không có kiến nghị, yêu cầu thực hiện việc kiểm tra nào từ phía cổ đông.

IV– Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

1. Các hoạt động chính của Ban kiểm soát trong năm 2013

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty và thực hiện các nội dung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2013, các Nghị quyết của HĐQT.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Kiểm tra các hoạt động chính của Công ty như: công nợ, các hợp đồng mua bán, hợp đồng dịch vụ, hợp đồng vay, sự phù hợp giữa doanh thu và chi phí

- Thăm định tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính 6 tháng, đưa ra kiến nghị đối với HĐQT và Ban điều hành.

-Thăm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát trong năm 2013

Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp để thực hiện việc phân công và triển khai các công việc cụ thể cho từng thành viên trong công tác kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

Ngoài ra, thông qua điện thoại, email các thành viên thường xuyên liên lạc trao đổi với nhau và với Công ty để thực hiện công việc được ĐHĐCĐ giao.

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

- Tổng thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát trong năm 2013 là 48.000,000 đồng;

- Trong năm 2013, Ban kiểm soát không có phát sinh thêm bất kỳ khoản chi phí hoạt động nào khác.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát trước ĐHĐCĐ thường niên năm 2014.

Kính chúc đại hội thành công tốt đẹp!

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

NGUYỄN THÀNH TRUNG

T.C.P. MINH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2014

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

**V/v chi trả thù lao của hội đồng quản trị, ban kiểm soát
và báo cáo lương, thưởng của thành viên hội đồng quản trị kiêm nhiệm công việc
điều hành của công ty và lương, thưởng của Tổng Giám đốc**

I. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

1. Báo cáo thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2013:

Đại hội đồng cổ đông năm 2013 đã thông qua tổng mức thù lao công vụ năm 2013 là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng)

Trong năm 2013, Công ty đã chi trả tổng số thù lao công vụ cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát là 174.000.000 đồng (một trăm bảy mươi bốn triệu đồng), cụ thể như sau:

Thù lao của Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Thù lao	Ghi chú
Lê Công Đức	24.000.000 đồng	CK về Tổng Cty TSVN
Cao Thanh Định	24.000.000 đồng	
Bùi Tuấn Ngọc	24.000.000 đồng	
Bùi Thị Phương Thảo	12.000.000 đồng	Từ tháng 07→12/2013 CK về Tổng Cty TSVN
Đỗ Trọng Vinh	24.000.000 đồng	
Lê Thị Thu Trang	12.000.000 đồng	Từ tháng 01→6/2013

Thư ký HĐQT: Nguyễn Thị Ngọc Nga 12.000.000 đồng

Thù lao của Ban kiểm soát:

Họ và tên	Thù lao	Ghi chú
Bùi Thị Phương Thảo	12.000.000 đồng	Từ tháng 01→6/2013 CK về Tổng Cty TSVN

Nguyễn Thành Trung	12.000.000 đồng	Từ tháng 07→12/2013 CK về Tổng Cty TSVN
Nguyễn Kim Hậu	6.000.000 đồng	Từ tháng 07→12/2013
Lê Thị Tuyền	12.000.000 đồng	

2. Báo cáo Lương, thưởng của thành viên HĐQT kiêm nhiệm công việc điều hành của Công ty năm 2013:

Hiện nay, SEASPIMEX có 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm công việc điều hành của Công ty:

- Ông Lê Công Đức - Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật với mức lương, thưởng được chi trả như sau:

- Lương 22.000.000 đồng/tháng
- Thưởng 33.336.471 đồng/năm

- Ông Đỗ Trọng Vinh – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc với mức lương, thưởng được chi trả như sau:

- Lương 20.000.000 đồng/tháng
- Thưởng 32.037.775 đồng/năm

3. Báo cáo Lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc năm 2013:

- Lương 40.000.000 đồng/tháng
- Thưởng 57.214.478 đồng /năm

II. Kế hoạch chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2014:

- Thù lao của Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị: 2.000.000 đồng/tháng

Thành viên Hội đồng quản trị: 2.000.000 đồng/tháng

- Thù lao của Ban kiểm soát

Trưởng Ban kiểm soát: 2.000.000 đồng/tháng

Thành viên Ban kiểm soát: 1.000.000 đồng/tháng

- Thư ký Hội đồng quản trị:

1.000.000 đồng/tháng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2014

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014
V/v: LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN NĂM 2014

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc “**Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán trong danh sách được Bộ Tài Chính cho phép kiểm toán những Công ty niêm yết, để kiểm toán BCTC năm 2014 cho Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản**”.

Hội đồng Quản trị sẽ căn cứ vào các tiêu chí chất lượng, uy tín, giá chào cạnh tranh và sự hỗ trợ từ đơn vị kiểm toán đối với Công ty để lựa chọn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



NGUYỄN THÀNH TRUNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2014

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014
V/v Hợp tác đầu tư, kinh doanh dự án khu liên hiệp thương mại, nhà ở cao tầng kết
hợp văn phòng tại số 213 Hòa Bình, P. Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Tp. HCM

Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản (Công ty) và Trường đại học quốc tế Hồng Bàng (HBU) đã ký kết Văn bản thỏa thuận hợp tác đầu tư số: 363/2010/TT-SEAS-HB ngày 29 tháng 11 năm 2010 về việc hợp tác đầu tư kinh doanh dự án khu liên hiệp thương mại, nhà ở cao tầng kết hợp với văn phòng tại số 213 Hòa Bình, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh và được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/6/2013. Theo đó trong thời gian 30 ngày kể từ ngày Hợp đồng hợp tác giữa Công ty và Công ty cổ phần Eden được thanh lý thì hai bên có nghĩa vụ ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư chính thức và phía HBU phải trả cho Công ty một khoản tiền là 90.000.000.000 đồng (chín mươi tỷ đồng) trước ngày 31/3/2010.

Tuy nhiên đã hơn 03 (ba) năm qua kể từ ngày ký kết Văn bản thỏa thuận cho đến nay Hợp đồng hợp tác đầu tư vẫn chưa được ký kết do hai bên không thống nhất được các điều khoản của Hợp đồng và HBU cũng chỉ mới chuyển cho Công ty được 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng).

Trước tình hình trầm lắng của thị trường bất động sản hiện nay, tình hình sản xuất kinh doanh và khả năng huy động nguồn vốn của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, HĐQT cho rằng việc tiếp tục triển khai dự án tại 213 Hòa Bình với quy mô và mục tiêu như dự định là hết sức rủi ro cho cả hai bên. Hai bên đã tổ chức các cuộc họp vào các ngày 12/8/2013 và 18/10/2013 để tìm hướng tháo gỡ nhưng cũng không đạt được kết quả như mong muốn của các bên. Chính vì vậy việc hợp tác theo Văn bản thỏa thuận giữa hai bên đã lâm vào tình trạng bế tắc.

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và ủy quyền cho HĐQT giải quyết việc chấm dứt hợp tác với Trường Đại học quốc tế Hồng Bàng theo Văn bản thỏa thuận hợp tác đầu tư số: 363/2010/TT-SEAS-HB ngày 29/11/2010.

Kính trình Đại Hội đồng cổ đông.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỦY ĐẶC SẢN
Q. TÂN PHÚ TP. HỒ CHÍ MINH
LÊ CÔNG ĐỨC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2014

TỜ TRÌNH

Về việc phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức và trích lập quỹ năm 2013

Căn cứ Điều lệ bổ sung và sửa đổi của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản tháng 6/2013;

Căn cứ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty năm 2013;

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2013.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản báo cáo Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

- | | |
|--|-----------------------|
| - Lợi nhuận sau thuế (LNST): | 14.767.234.606 đồng |
| - Lỗ lũy kế các năm trước: | (12.682.191.207) đồng |
| - Lợi nhuận còn lại sau khi bù đắp lỗ các năm trước: | 2.085.043.399 đồng |
| - Trả cổ tức cho cổ đông: | 0 đồng |

Do lợi nhuận còn lại ít, mặt khác trong năm qua Công ty đã nỗ lực phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh và đề động viên tinh thần làm việc của toàn thể CB-CNV Công ty. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phân phối toàn bộ lợi nhuận còn lại cho các quỹ:

- | | |
|---|--------------------|
| - Quỹ đầu tư phát triển 25% LNCL: | 521.260.850 đồng |
| - Quỹ dự phòng tài chính 25% LNCL: | 521.260.850 đồng |
| - Quỹ khen thưởng và phúc lợi 50% LNCL: | 1.042.521.699 đồng |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



LÊ CÔNG ĐỨC